TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□ NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ -ST
Ngày 21/01/2022
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đồng Dực
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quang Chử - Cán bộ nghỉ hưu
2. Bà Nguyễn Thị Kim Huyền - Cán bộ Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Đức Sam - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2021/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Trú tại: LM, PU, Ân Thi, Hưng Yên

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

ĐKHKTT: LM, PU, Ân Thi, Hưng Yên
Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Tân Lập, Phú Thọ
Người có QLNV liên quan:
1. Cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 03/6/2010
2. Cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 19/9/2012
ĐKHKTT: LM, PU, Ân Thi, Hưng Yên
Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị M – Mẹ đẻ của các cháu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/09/2021 và lời khai của chị M trình bầy chị và anh T quen biết nhau do cùng đi làm công ty, sau một thời gian tìm hiểu thống nhất về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào ngày 10/12/2008. Sau khi cưới chị về ngay gia

đình anh T chung sống. Chung sống với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời, nghiện ma túy chị và gia đình không nói được, anh T không quan tâm gì đến vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2010, anh chị sống ly thân nhau chị mang con về bà ngoại ở. Đến tháng 10/2016 chị đi lao động tại Đài Loan đến tháng 07/2017 chị về nước. Khi chị về thì anh T vẫn phải đi chấp hành án. Sau khi anh T ra tù nhưng vợ chồng khôn gở với nhau, đến năm 2020 anh T tiếp tục phạm tội và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai của anh T trình bày: Anh và chị M là vợ chồng, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại Phù Ủng, Ân Thi. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2016 anh bị bắt và xử phạt tù, chị M đi xuất khẩu lao động. Cho đến nay chị M xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2010 và Nguyễn Thành T, sinh năm 2012. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị M và ông bà ngoại, nay ly hôn anh để chị M nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Hoàn (bố đẻ của chị M) trình bày: Anh T, chị M tự tìm hiểu nhau, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào năm 2008. Sau khi cưới, chị M về ngay gia đình anh T sống. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau khi sinh cháu H được khoảng 02 tháng, ông thấy anh chị có biểu hiện khác lạ, ông đến xin chị M về chơi thì anh T không cho về, nhưng mẹ con M vẫn về, đến khi cháu H lớn hơn thì mẹ con chị M mới về nhà chồng. Được 1 thời gian vào tháng 7, 8 gì đó trời nắng nóng gia đình chồng thương mẹ con chị M có nói với gia đình ông đón mẹ con chị M về, ông có ra đón nhưng anh T không cho đi, mãi sau thuyết phục thì mới cho đi, gia đình phát hiện anh T nghiện ma túy có động viên để anh T đi cai nghiện nhưng không đi, sau đó anh T thường xuyên vắng nhà và phạm tội phải đi tù, sau khi ra tù gia đình động viên để anh T sửa đổi nhưng không được, anh T không quan tâm gì đến vợ con, đến khi chị M sinh cháu T thì mẹ con chị M ở nhà ông. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập, Phú Thọ. Nay chị M xin ly hôn, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân nhau nên đề nghị Tòa giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2010 và Nguyễn Thành T, sinh năm 2012.

Về tài sản chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phong (mẹ đẻ của anh T): Anh T, chị M đi làm công ty quen biết nhau, tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, gia đình hai

bên nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị vào ngày 10/12/2008, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng. Sau khi cưới, chị M về ngay gia đình chồng chung sống, sau khi sinh con xong thì chị M về ông bà ngoại ở, sau đó trở đi trở về, việc các cháu ăn ở với nhau mâu thuẫn như thế nào bà không rõ vì bà đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2019 khi chồng bị bệnh ốm qua đời bà mới về. Còn về phía anh T do hoàn cảnh xã hội đưa đẩy nên anh T nghiện ma túy, năm 2019 anh T trộm cắp tài sản và xử phạt tù, đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập, Phú Thọ. Anh T, chị M chung sống với nhau đã sống ly thân nhau 7 năm nay. Nay anh T, chị M có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh T, chị M.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2010 và Nguyễn Thành T, sinh năm 2012.

Về tài sản chung: Không có

Tại biên bản xác minh với UBND xã Phù Ủng: Chị M, anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào ngày 10/12/2008 tại số 136. Sau khi thành vợ chồng anh T, chị M chung sống với nhau có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 21/01/2022: Chị M, anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa T thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc T theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có QLNV liên quan, người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 72, 73 và Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị M, anh T.

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh T, chị M giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 03/6/2010 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 19/9/2012 cho cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi

con chung cho chị M, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị M không có
- Về án phí: Chị M phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị M, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào ngày 10/12/2008. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh T là hợp pháp. Nay chị M có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh T có ĐKHKTT tại LM, PU, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị M xác định vợ chồng chung sống với nhau khoảng 03 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T chơi bời, nghiện ma túy, gia đình khuyên nhưng anh T không nghe, không quan tâm gì đến vợ con, từ nguyên nhân trên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn, anh T, chị M đã sống ly thân nhau 07 năm, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mặc dù anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng chị M xin ly hôn anh đồng ý ly hôn và anh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tại lời khai của anh T, chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị M, anh T đề nghị Tòa công nhận thuận tình ly hôn, lời khai của anh T, chị M phù hợp với lời khai của bà Phong (mẹ đẻ của anh T), ông Hoàn (bố đẻ của chị M), bởi vậy hôn nhân giữa chị M, anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T, chị M không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận thuận tình ly hôn giữa chị M, anh T là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị M có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 03/6/2010 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 19/9/2012. Nay ly hôn chị M, anh T thống nhất để chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét sự thỏa thuận của anh T, chị M là phù hợp với thực tế vì hiện nay các cháu đang ở với chị M, các cháu cũng có nguyện vọng ở với chị M, hơn nữa anh T đang phải chấp hành án nên để tránh việc xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của các cháu nên HĐXX xét thấy giao cả hai con chung của anh T, chị M cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con chung. Về cấp dưỡng chị M không có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị vì chị M có thu nhập 6.000.000 đồng/ tháng, yêu cầu của chị M là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 1 điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Thành T

2- Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 03/6/2010 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 19/9/2012 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị M. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

4 - Về án phí : Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003004 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị M đã nộp đủ án phí.

5- Quyền kháng cáo: Chị M, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT và THA tỉnh;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Phù Ủng, Ân Thi;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Dực